

Phụ lục
BAN HÀNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: 1381/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG CỘNG	571			
I	SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP TỈNH	486			
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	1			
		1	Xe ô tô được gắn biển "XE HỘ ĐÊ" (Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật)	4.950	Xe thường xuyên phục vụ công tác phòng, chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn; công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng
2	Sở Xây dựng	200			
2.1	Trường Trung cấp Giao thông vận tải Ninh Bình	200			
		115	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô con 05 chỗ ngồi)	950	Phục vụ nhiệm vụ đào tạo, sát hạch
		8	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô khách 29 - 36 chỗ ngồi)	2.000	
		7	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô khách 45 - 47 chỗ ngồi)	4.000	
		69	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô tải)	900	
		1	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô Sômi rơ móc)	1.200	

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
3	Sở Khoa học và Công nghệ	2			
3.1	Sở Khoa học và Công nghệ	1			
		1	Xe ô tô thông tin chuyên dùng (Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng)	2.800	Đảm bảo thông tin liên lạc chỉ đạo, chỉ huy điều hành ứng phó và đảm bảo an toàn trong điều kiện thiên tai, bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất đá, đang diễn ra
3.2	Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng	1			
		1	Xe gắn bộ giá lắp bình chuẩn để lấy mẫu kiểm tra đặc thù về đo lường và bình chứa mẫu xăng, dầu, hóa chất đi thử nghiệm (Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng)	1.050	Phục vụ công tác kiểm tra về đo lường và lấy mẫu thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa
4	Sở Nội vụ	12			
4.1	Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nho Quan	2			
		1	Xe ô tô khách 35 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đưa đón người có công đến điều dưỡng tại trung tâm
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ người có công điều dưỡng và được nuôi dưỡng tại trung tâm
4.2	Trung tâm Nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng và Điều dưỡng người có công Hà Nam	4			
		3	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đưa đón người có công đến điều dưỡng tại trung tâm
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ người có công điều dưỡng và được nuôi dưỡng tại trung tâm
4.3	Trung tâm Điều dưỡng Người có công Nam Định	3			
		2	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đưa đón người có công đến điều dưỡng tại trung tâm

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ người có công điều dưỡng và được nuôi dưỡng tại trung tâm
4.4	Trung tâm Điều dưỡng Người có công Ninh Bình	3			
		2	Xe ô tô khách 35 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đưa đón người có công đến điều dưỡng tại trung tâm
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ người có công điều dưỡng và được nuôi dưỡng tại trung tâm
5	Sở Văn hóa và Thể thao	32			
5.1	Bảo tàng tỉnh Ninh Bình	1			
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ hoạt động trưng bày lưu động
5.2	Thư viện tỉnh Ninh Bình	3			
		3	Xe ô tô tải	900	Phục vụ hoạt động lưu động trong tỉnh
5.3	Trung tâm Văn hóa tỉnh Ninh Bình	9			
		1	Xe ô tô khách 45 chỗ ngồi	4.000	Phục vụ tham gia các hội thi, hội diễn, tuyên truyền lưu động do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Văn hóa tổ chức, lưu diễn, Tham gia các hoạt động triển lãm phục vụ nhiệm vụ phát triển du lịch, phục vụ các nhiệm vụ chính trị khác
		5	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ công tác tuyên truyền và chiếu phim lưu động, phục vụ các cuộc triển lãm và các nhiệm vụ chính trị khác; Phục vụ tham gia các hội thi, hội diễn, tuyên truyền lưu động do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Văn hóa tổ chức, lưu diễn; Tham gia các hoạt động triển lãm phục vụ nhiệm vụ phát triển du lịch
		1	Xe phát thanh truyền hình lưu động (Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng)	1.000	
		2	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở thiết bị âm thanh ánh sáng

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
5.4	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Ninh Bình	12			
		3	Xe ô tô khách 47 chỗ ngồi	4.000	Xe chở diễn viên, nhạc công
		2	Xe ô tô khách 34 chỗ ngồi	2.000	
		1	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	
		6	Xe ô tô tải	900	Xe chở thiết bị, đạo cụ, thiết bị âm thanh, ánh sáng
5.5	Trung tâm Thể Thao I tỉnh Ninh Bình	4			
		2	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Xe phục vụ 02 đội Bóng chuyền nam nữ hạng mạnh
		1	Xe ô tô khách 19 chỗ ngồi	1.800	Xe chở các vận động viên đi tập huấn, thi đấu các môn thể thao cá nhân, đồng đội như: vật, cờ vua, quần vợt, cầu lông, ...
		1	Xe ô tô khách 45 chỗ ngồi	4.000	Xe chở các vận động viên môn Bóng chuyền các tuyến đi tập huấn, thi đấu và phục vụ đăng cai tổ chức các giải thể thao quốc gia, quốc tế
5.6	Trung tâm Thể Thao II tỉnh Ninh Bình	3			
		1	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Chở vận động viên đi tập luyện và thi đấu
		2	Xe ô tô khách 47 chỗ ngồi	4.000	
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	12			
6.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1			
		1	Xe ô tô được gắn biển "XE HỘ ĐÊ" (Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật)	2.800	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn; công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
6.2	Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	3			
		3	Xe phòng, chống thiên tai gắn thiết bị chuyên dùng được quyền ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ (Xe gắn thiết bị chuyên dùng)	2.800	Phục vụ công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, tuần tra, kiểm tra rừng; quản lý lâm sản và động vật hoang dã
6.3	Trung tâm Giống Nông nghiệp	4			
		4	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở vật tư, con giống, thiết bị, dụng cụ
6.4	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1			
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở vật tư, thiết bị, phòng chống dịch bệnh
6.5	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1			
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở vật tư, thiết bị, phòng chống dịch bệnh
6.6	Trung tâm Giống Thủy hải sản	2			
		2	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở vật tư, con giống, thiết bị, dụng cụ
6.7	Ban Quản lý cảng cá	1			
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão
6.8	Chi cục Thủy lợi	2			
		2	Xe ô tô được gắn biển "XE HỘ ĐỀ" (Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật)	2.800	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn; công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng
7	Thanh tra tỉnh	1			
		1	Xe ô tô khách 19 chỗ ngồi	1.800	Phục vụ công tác Thanh tra

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
8	Trường Đại học Hoa Lư	2			
		1	Xe ô tô khách 34 chỗ ngồi	2.000	Chở cán bộ, giảng viên, sinh viên đi học tập thực tế theo chương trình học, ...
		1	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	
9	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	2			
		1	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đào tạo thực hành cho học sinh, sinh viên nghề hướng dẫn viên du lịch
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở máy móc, thiết bị dạy nghề cho các điểm trường huyện
10	Trường Cao đẳng Nghề Hà Nam	19			
		10	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô con 05 chỗ ngồi)	950	Phục vụ nhiệm vụ đào tạo lái xe
		9	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô tải)	900	
11	Sở Y tế	203			
11.1	Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Tam Điệp	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.2	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	6			
		5	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.450	Xe phục vụ cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.3	Bệnh viện Đa khoa Hà Nam	10			
		2	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Phục vụ công tác phòng, chống dịch
		8	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.4	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	3			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Vận chuyển chất thải y tế
11.5	Bệnh viện Đa khoa Nam Lý	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.6	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	14			
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng
		2	Xe vận chuyển người bệnh (Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt)	1.500	Xe vận chuyển người bệnh
		8	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		2	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Phục vụ công tác chở chất thải y tế
		1	Xe lấy máu (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	800	Xe lấy máu

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.7	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	5			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe vận chuyển người bệnh (Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt)	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực
		1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Phục vụ công tác chở chất thải y tế
11.8	Bệnh viện Da liễu Nam Định	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.9	Bệnh viện Mắt Hà Nam	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Vận chuyển bệnh nhân
11.10	Bệnh viện Mắt Ninh Bình	4			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện, chở bệnh nhân cấp cứu khi cần
		1	Xe khám, chữa mắt lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	1.300	Khám các bệnh về mắt lưu động tuyến cơ sở
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Chỉ đạo tuyến dưới về các chuyên môn kỹ thuật, thực hiện chương trình hoạt động chuyên khoa tại công đồng
11.11	Bệnh viện Mắt Nam Định	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác chung, chở người bệnh, trang thiết bị y tế và cán bộ phục vụ khám chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.12	Bệnh viện Nhi Nam Định	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ vận chuyển bệnh nhân
11.13	Bệnh viện Nội tiết Nam Định	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ vận chuyển bệnh nhân
11.14	Bệnh viện Phục hồi chức năng Nam Định	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.15	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Ninh Bình	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.16	Bệnh viện Phổi Hà Nam	5			
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe phục vụ công tác chỉ đạo tuyến, giám sát phòng chống lao trong cộng đồng (dự án phòng chống lao cấp để phục vụ hoạt động của dự án)
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ vận chuyển bệnh nhân
		1	Xe chụp X.quang lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	2.600	Xe phục vụ chụp Xquang di động và khám sàng lọc tại cộng đồng - quỹ toàn cầu cấp đang sử dụng

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.17	Bệnh viện Phổi Ninh Bình	2			
		1	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.200	Xe dự án phục vụ công tác phòng chống Lao
		1	Xe chụp X.quang lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	2.600	Xe chuyên dùng dự án phục vụ công tác phòng chống Lao
11.18	Bệnh viện Phổi Nam Định	5			
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe chuyên dùng để chỉ đạo tuyến
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
11.19	Bệnh viện Phụ sản Nam Định	5			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe chuyên dùng để chỉ đạo tuyến
11.20	Bệnh viện Sản - Nhi Ninh Bình	6			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Xe tải thùng vận chuyển chất thải nguy hại
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe ô tô phục vụ chỉ đạo tuyến

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.21	Bệnh viện Tâm thần Hà Nam	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.22	Bệnh viện Tâm thần Ninh Bình	2			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Phục vụ hoạt động chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến
11.23	Bệnh viện Tâm thần Nam Định	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.24	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	11			
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Phục vụ hoạt động chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến
		1	Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.500	Phục vụ hoạt động y tế
		1	Xe chụp X.quang lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	2.600	Xe chụp X.quang lưu động
		7	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe lấy máu (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	800	Xe lấy máu

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.25	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nam	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.26	Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.27	Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.28	Trường Trung cấp Y tế Nam Định	1			
		1	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.100	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan
11.29	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam	1			
		1	Xe chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe phục vụ chở học sinh, sinh viên
11.30	Trường cao đẳng Y tế Ninh Bình	1			
		1	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.100	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.31	Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Ninh Bình	2			
		2	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.200	Xe phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm ATTP, công tác truyền thông ATTP, giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm, xử lý ngộ độc thực phẩm, vận chuyển mẫu
11.32	Chi cục Dân số và trẻ em tỉnh Ninh Bình	1			
		1	Xe chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Phục vụ tập huấn, truyền thông giáo dục và thực hiện các hoạt động về công tác Dân số và Trẻ em
11.33	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	13			
		9	Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	1.450	Dùng chung cho các hoạt động vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực phòng, chống dịch bệnh; Phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm
		3	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.200	Phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm; Sử dụng để vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc, vận chuyển vắc xin, sinh phẩm xuống các xã phường trong tỉnh.
		1	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	450	Chở máy phun và hóa chất lưu động
11.34	Trung tâm Bảo trợ xã hội Hà Nam	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ chuyển tuyến, trực cấp cứu

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.35	Trung tâm cấp cứu 115 tỉnh Ninh Bình	15			
		15	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Vận chuyển cấp cứu
11.36	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm Mỹ phẩm tỉnh Ninh Bình	2			
		2	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.200	Xe phục vụ công tác lấy mẫu kiểm tra, kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm
11.37	Trung tâm Pháp y tỉnh Ninh Bình	1			
		1	Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.100	Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi
11.38	Trung tâm Phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Ninh Bình	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.39	Bệnh viện Đa khoa Bình Lục	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.40	Bệnh viện Đa khoa Duy Tiên	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.41	Bệnh viện Đa khoa Gia Viễn	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.42	Bệnh viện Đa khoa Giao Thủy	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.43	Bệnh viện Đa khoa Hoa Lư	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.44	Bệnh viện Đa khoa Kim Bảng	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.45	Bệnh viện Đa khoa Lý Nhân	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.46	Bệnh viện Đa khoa Thành Nam	4			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Thu gom rác thải y tế
11.47	Bệnh viện Đa khoa Nam Trực	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.48	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hưng	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.49	Bệnh viện Đa khoa Tam Điệp	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.50	Bệnh viện Đa khoa Thanh Liêm	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.51	Bệnh viện Đa khoa Trục Ninh	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.52	Bệnh viện Đa khoa Vụ Bản	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.53	Bệnh viện Đa khoa Xuân Trường	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.54	Bệnh viện Đa khoa Ý Yên	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.55	Bệnh viện Đa khoa Yên Khánh	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.56	Bệnh viện Đa khoa Yên Mô	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
II	XÃ, PHƯỜNG	85			
1	Phường Phù Vân	1			
1.1	Trạm Y tế phường Phù Vân	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
2	Phường Châu Sơn	1			
2.1	Trạm Y tế phường Châu Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
3	Phường Duy Tiên	1			
3.1	Trạm Y tế phường Duy Tiên	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
4	Phường Duy Tân	1			
4.1	Trạm Y tế phường Duy Tân	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
5	Phường Đồng Văn	1			
5.1	Trạm Y tế phường Đồng Văn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
6	Phường Kim Bảng	1			
6.1	Trạm Y tế phường Kim Bảng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
7	Phường Lê Hồ	1			
7.1	Trạm Y tế phường Lê Hồ	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
8	Phường Tam Chúc	1			
8.1	Trạm Y tế phường Tam Chúc	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
9	Phường Liêm Tuyền	1			
9.1	Trạm Y tế phường Liêm Tuyền	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
10	Phường Nam Định	1			
10.1	Trạm Y tế phường Nam Định	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
11	Phường Thành Nam	1			
11.1	Trạm Y tế phường Thành Nam	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
12	Phường Hồng Quang	1			
12.1	Trạm Y tế phường Hồng Quang	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
13	Phường Nam Hoa Lư	1			
13.1	Trung tâm Dịch vụ đô thị phường Nam Hoa Lư	1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Phục vụ công tác vận chuyển rác thải sinh hoạt
14	Phường Tam Điệp	1			
14.1	Trạm Y tế phường Tam Điệp	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
15	Phường Trung Sơn	24			
15.1	Trạm Y tế phường Trung Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
15.2	Nhà máy xử lý chất thải rắn Ninh Bình	23			
		18	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Xe ô tô chở rác
		4	Xe hút bùn và chất thải (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	4.800	Xe ô tô hút bùn
		1	Xe tưới nước (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	2.500	Xe ô tô tưới nước

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
16	Phường Yên Sơn	1			
16.1	Trạm Y tế phường Yên Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
17	Xã Bình Giang	1			
17.1	Trạm Y tế xã Bình Giang	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
18	Xã Bình An	1			
18.1	Trạm Y tế xã Bình Giang	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
19	Xã Bình Sơn	1			
19.1	Trạm Y tế xã Bình Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
20	Xã Lý Nhân	1			
20.1	Trạm Y tế xã Lý Nhân	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
21	Xã Trần Thương	1			
21.1	Trạm Y tế xã Trần Thương	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
22	Xã Vĩnh Trụ	1			
22.1	Trạm Y tế xã Vĩnh Trụ	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
23	Xã Nhân Hà	1			
23.1	Trạm Y tế xã Nhân Hà	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
24	Xã Ý Yên	1			
24.1	Trạm Y tế xã Ý Yên	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
25	Xã Tân Minh	1			
25.1	Trạm Y tế xã Tân Minh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
26	Xã Nghĩa Hưng	1			
26.1	Trạm Y tế xã Nghĩa Hưng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
27	Xã Nghĩa Sơn	1			
27.1	Trạm Y tế xã Nghĩa Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
28	Xã Quỳ Nhất	1			
28.1	Trạm Y tế xã Quỳ Nhất	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
29	Xã Nghĩa Lâm	1			
29.1	Trạm Y tế xã Nghĩa Lâm	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
30	Xã Nam Ninh	1			
30.1	Trạm Y tế xã Nam Ninh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
31	Xã Minh Thái	1			
31.1	Trạm Y tế xã Minh Thái	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
32	Xã Xuân Hồng	1			
32.1	Trạm Y tế xã Xuân Hồng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
33	Xã Xuân Giang	1			
33.1	Trạm Y tế xã Xuân Giang	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
34	Xã Xuân Hưng	1			
34.1	Trạm Y tế xã Xuân Hưng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
35	Xã Giao Minh	1			
35.1	Trạm Y tế xã Giao Minh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
36	Xã Giao Thủy	1			
36.1	Trạm Y tế xã Giao Thủy	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
37	Xã Giao Hưng	1			
37.1	Trạm Y tế xã Giao Hưng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
38	Xã Giao Hòa	1			
38.1	Trạm Y tế xã Giao Hòa	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
39	Xã Giao Bình	1			
39.1	Trạm Y tế xã Giao Bình	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
40	Xã Giao Phúc	1			
40.1	Trạm Y tế xã Giao Phúc	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
41	Xã Hải Thịnh	1			
41.1	Trạm Y tế xã Hải Thịnh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
42	Xã Gia Tường	1			
42.1	Trạm Y tế xã Gia Tường	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
43	Xã Cúc Phương	1			
43.1	Trạm Y tế xã Cúc Phương	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
44	Xã Phú Sơn	1			
44.1	Trạm Y tế xã Phú Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
45	Xã Thanh Sơn	1			
45.1	Trạm Y tế xã Thanh Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
46	Xã Quỳnh Lưu	1			
46.1	Trạm Y tế xã Quỳnh Lưu	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
47	Xã Phú Long	1			
47.1	Trạm Y tế xã Phú Long	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
48	Xã Gia Viễn	1			
48.1	Trạm Y tế xã Gia Viễn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
49	Xã Đại Hoàng	1			
49.1	Trạm Y tế xã Đại Hoàng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
50	Xã Yên Khánh	2			
50.1	Trạm Y tế xã Yên Khánh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
50.2	Trung tâm Vệ sinh môi trường đô thị Yên Khánh	1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Thu gom rác thải trên địa bàn xã
51	Xã Khánh Thiện	1			
51.1	Trạm Y tế xã Khánh Thiện	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
52	Xã Khánh Trung	1			
52.1	Trạm Y tế xã Khánh Trung	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
53	Xã Khánh Hội	1			
53.1	Trạm Y tế xã Khánh Hội	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
54	Xã Phát Diệm	2			
54.1	Trạm Y tế xã Phát Diệm	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
54.2	Trung tâm Vệ sinh môi trường đô thị Kim Sơn	1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Thu gom rác thải trên địa bàn xã

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
55	Xã Chát Bình	1			
55.1	Trạm Y tế xã Chát Bình	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
56	Xã Lai Thành	1			
56.1	Trạm Y tế xã Lai Thành	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
57	Xã Định Hóa	1			
57.1	Trạm Y tế xã Định Hóa	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
58	Xã Kim Đông	1			
58.1	Trạm Y tế xã Kim Đông	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
59	Xã Yên Từ	1			
59.1	Trạm Y tế xã Yên Từ	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
60	Xã Đồng Thái	1			
60.1	Trạm Y tế xã Đồng Thái	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh